

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH
(Dành cho sinh viên từ khóa 64)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH
MÃ NGÀNH: 7220201

HẢI PHÒNG, 9/2023

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	3
1.5. Mục tiêu của chương trình	3
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	6
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	9
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	10
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	12
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	12
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	21
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	31
2.4. Tóm tắt các học phần	45

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh do Khoa Ngoại ngữ xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước, như Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Đại học Hà Nội. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	Ngôn ngữ Anh: 135 TC Tiếng Anh thương mại: 135 TC
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2023

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung và cho sự phát triển của lĩnh vực khoa học giáo dục tiếng Anh, Biên Phiên dịch tiếng Anh nói riêng.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo cử nhân về Ngôn ngữ Anh. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng tiếng Anh linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn, năng động, sáng tạo, thích ứng với mọi môi trường làm việc, có khả năng cạnh tranh với nguồn nhân lực trong khu vực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh thương mại đào tạo cử nhân về Tiếng Anh thương mại. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng Tiếng Anh linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn, năng động, sáng tạo, thích ứng với mọi môi trường làm việc, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, có khả năng cạnh tranh với nguồn nhân lực trong khu vực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

Một số chữ viết tắt:

TĐNL - Thang đo năng lực;

TĐQG - Trình độ quốc gia;

TCKĐ - Tiêu chuẩn kiểm định.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có các năng lực sau:

TT	Nội dung	Mức TĐNL	Tham chiếu Khung TĐQG, TCKĐ
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản		
1.1.1	Trình bày được các quan điểm về triết học Mác- Lênin, kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	K2

TT	Nội dung	Mức TDNL	Tham chiếu Khung TDQG, TCKĐ
1.1.2	Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng - an ninh, các kiến thức về quân sự chung.	2	K1
1.1.3	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong giải quyết các vấn đề văn hóa, ngôn ngữ.	3	K1
1.2	Kiến thức cơ sở		
1.2.1	Phân biệt được hàm ý của những bài nói tiếng Anh dài (hội thoại, độc thoại) về những chủ đề phức tạp và trừu tượng ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh.	4	K1
1.2.2	Diễn đạt ý trong giao tiếp một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn bằng tiếng Anh.	4	K1
1.2.3	Phân tích được chi tiết các văn bản bằng tiếng Anh dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.	4	K1
1.2.4	Biên soạn bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.	4	K1
1.3	Kiến thức ngành		
1.3.1	Phân tích các văn bản tiếng Anh dài, phức tạp trên cơ sở các kiến thức về ngôn ngữ học	4	K1, K4
1.3.2	So sánh được sự khác biệt về văn hóa của các nước nói tiếng Anh và sự giao thoa văn hóa	4	K1, K4
1.4	Kiến thức chuyên ngành		
1.4.1	Tổ chức các hoạt động biên, phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.	4	K4, K5
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM		

TT	Nội dung	Mức TDNL	Tham chiếu Khung TDQG, TCKĐ
	CHẤT		
2.1	Kỹ năng giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất		
2.1.1	Thực hiện chính xác các động tác kỹ thuật chiến đấu bộ binh.	3	S1
2.1.2	Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học	3	S1
2.2	Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.2.1	Cho thấy khả năng xác định và nêu vấn đề	3	S1
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.3.1	Thể hiện được tính kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	3	C3
2.3.2	Thể hiện được khả năng tư duy suy xét	3	C3
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.4.1	Thể hiện được đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	3	C2
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Có khả năng làm việc theo nhóm		
3.1.1	Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, có lòng ghép sử dụng các kỹ năng mềm phù hợp như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm	4	S1, S3, S4, S5, C1, C2, C3, C4,
3.2	Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với nhiều đối tượng		
3.2.1.	Có trình độ tin học văn phòng đạt MOS word ≥ 700 và excel ≥ 700	5	K3, S1
3.2.2.	Có trình độ Tiếng Anh đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT	5	S6
4	THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ		

TT	Nội dung	Mức TDNL	Tham chiếu Khung TDQG, TCKĐ
	VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG - QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	Bối cảnh bên ngoài xã hội		
4.1.1	Kết hợp các kiến thức về lý luận chính trị và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng.	4	K2
4.1.2	Thể hiện sự tôn trọng lịch sử, văn hóa và xu hướng phát triển toàn cầu	3	C4
4.2	Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp		
4.2.1	Thể hiện sự tôn trọng các văn hóa doanh nghiệp khác nhau	3	C4
4.2.2	Thích ứng với vị trí, vai trò, trách nhiệm của người làm tại các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước	4	K5, S2
4.3	Triển khai, vận hành		
4.3.1	Làm thành thạo các công việc có sử dụng tiếng Anh một cách chính xác, trôi chảy, linh hoạt, hiệu quả	5	K4, C3, S4

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Tiếng Anh thương mại có các năng lực sau:

TT	Nội dung	Mức TDNL	Tham chiếu Khung TDQG, TCKĐ
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản		
1.1.1	Trình bày được các quan điểm về triết học Mác- Lênin, kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	K2
1.1.2	Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng - an ninh, các kiến thức về quân sự chung.	2	K1

1.1.3	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong giải quyết các vấn đề văn hóa, ngôn ngữ.	3	K1
1.2	Kiến thức cơ sở		
1.2.1	Phân biệt được hàm ý của những bài nói tiếng Anh dài (hội thoại, độc thoại) về những chủ đề phức tạp và trừu tượng ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh.	4	K1
1.2.2	Diễn đạt ý trong giao tiếp một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn bằng tiếng Anh.	4	K1
1.2.3	Phân tích được chi tiết các văn bản bằng tiếng Anh dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó	4	K1
1.2.4	Biên soạn bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp	4	K1
1.3	Kiến thức ngành		
1.3.1	Phân tích các văn bản Tiếng Anh dài, phức tạp trên cơ sở các kiến thức về ngôn ngữ học.	4	K1, K4
1.3.2	So sánh được sự khác biệt về văn hóa của các nước nói Tiếng Anh và sự giao thoa văn hóa	4	K1, K4
1.4	Kiến thức chuyên ngành		
1.4.1	Tổ chức các hoạt động biên, phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại.	4	K4, K5
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	Kỹ năng giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất		
2.1.1	Thực hiện chính xác các động tác kỹ thuật chiến đấu bộ binh.	3	S1
2.1.2	Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học	3	S1
2.2	Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.2.1	Cho thấy khả năng xác định và nêu vấn đề	3	S1
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.3.1	Thể hiện được tính kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	3	C3
2.3.2	Thể hiện được khả năng tư duy suy xét	3	C3

2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.4.1	Thể hiện được đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	3	C2
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Có khả năng làm việc theo nhóm		
3.1.1	Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, có lòng ghép sử dụng các kỹ năng mềm phù hợp như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm	4	S1, S3, S4, S5, C1, C2, C3, C4
3.2	Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với nhiều đối tượng		
3.2.1.	Có trình độ tin học văn phòng đạt MOS word ≥ 700 và excel ≥ 700 .	5	K3, S1
3.2.2.	Có trình độ Tiếng Anh đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.	5	S6
4	THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG - QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	Bối cảnh bên ngoài xã hội		
4.1.1	Kết hợp các kiến thức về lý luận chính trị và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng.	4	K2
4.1.2	Thể hiện sự tôn trọng lịch sử, văn hóa và xu hướng phát triển toàn cầu	3	C4
4.2	Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp		
4.2.1	Thể hiện sự tôn trọng các văn hóa doanh nghiệp khác nhau	3	C4
4.2.2	Thích ứng với vị trí, vai trò, trách nhiệm của người làm tại các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước	4	K5, S2
4.3	Triển khai, vận hành		
4.3.1	Làm thành thạo các công việc có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại một cách chính xác, trôi chảy, linh hoạt, hiệu quả	5	K4, C3, S4

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong công ty, cơ quan, tổ chức thuộc các lĩnh vực:

- Dịch thuật Anh- Việt;
- Các bộ phận quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;

- Giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục;
- Nghiên cứu ngôn ngữ, giáo dục.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phân được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động

học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi

2.1.1 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 135 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 26 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 46 TC.

c. Khối kiến thức ngành: 11 TC

d. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 27 TC.

e. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 13 TC.

f. Thực tập, Tốt nghiệp: 12 TC

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH TÍCH LŨY			13				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4/6				
1	27101	Bơi lội (Swimming)	1	2.1.2	TU3		
2	27102	Điền kinh (Athletics)	1	2.1.2	TU3		
3	27201	Bóng chuyền (Volleyball)	1	2.1.2	TU3		
4	27202	Cầu lông (Badminton)	1	2.1.2	TU3		
5	27203	Bóng rổ (Basketball)	1	2.1.2	TU3		
6	27204	Bóng đá (Football)	1	2.1.2	TU3		
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			9				
7	24102	Công tác quốc phòng và an ninh (National Defense and Security Work)	2	1.1.2	T2		
8	24103	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS Việt Nam (National Defense and Security Policy of the Communist Party of Vietnam)	3	1.1.2	T2		
9	24203	Quân sự chung (General Military)	2	1.1.2	T2		
10	24204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (Infantry Combat Techniques and Tactics)	2	2.1.1	TU3		
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			26				
11	19101	Triết học Mác-Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)	3	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	1	
12	19401	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist - Leninist Political Economy)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	2	19101
13	19501	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	3	19401
14	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU4	4	19501
15	19303	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU4	5	19201
16	11401	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	1.1.1	T2	2	
17	25350	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 1 (Practical English Grammar 1)	3	1.1.3, 2.2.1	TU2, TU2	1	
18	25339	Ngữ âm cơ bản (Basic Pronunciation)	2	1.1.3, 2.2.1	TU2, TU2	1	
19	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Basic Vietnamese Culture)	3	1.1.3, 3.1.1, 4.2.1	TU3, TU3, TU2	2	
20	25324	Văn hóa văn minh Anh Mỹ (British-American Culture and Civilization)	3	1.1.3, 4.2.1	TU3, TU3	3	
21	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học (An Introduction to Linguistics)	2	1.1.3, 2.3.2, 3.1.1	TU3, TU2, TU3	3	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			46				
22	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1 (Listening Skills 1)	2	1.2.1, 3.2.2	TU3, TU3	1	
23	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2 (Listening Skills 2)	2	1.2.1, 3.2.2	TU3, TU3	2	25201
24	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3 (Listening Skills 3)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU4	3	25202
25	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4 (Listening Skills 4)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU4	4	25205
26	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5 (Listening Skills 5)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU5	5	25206
27	25211	Kỹ năng Nói 1 (Speaking Skills 1)	2	1.2.2, 3.2.2	TU3, TU3	1	
28	25212	Kỹ năng Nói 2 (Speaking Skills 2)	2	1.2.2, 3.2.2	TU3, TU3	2	25211
29	25293	Kỹ năng Nói 3 (Speaking Skills 3)	3	1.2.2, 3.2.2	TU4, TU4	3	25212
30	25294	Kỹ năng Nói 4 (Speaking Skills 4)	3	1.2.2, 3.2.2	TU4, TU4	4	25293
31	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1 (Reading Skills 1)	2	1.2.3, 3.2.2	TU3, TU3	1	
32	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2 (Reading Skills 2)	2	1.2.3, 3.2.2	TU3, TU3	2	25221
33	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3 (Reading Skills 3)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU4	3	25222
34	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4 (Reading Skills 4)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU4	4	25225
35	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5 (Reading Skills 5)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU5	5	25226
36	25280	Kỹ năng Viết 1 (Writing Skills 1)	3	1.2.4, 3.2.2	TU3, TU3	1	
37	25232	Kỹ năng Viết 2 (Writing Skills 2)	2	1.2.4, 3.2.2	TU3, TU3	2	25280
38	25239	Kỹ năng Viết 3 (Writing Skills 3)	2	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU4	3	25232
39	25284	Kỹ năng Viết 4 (Writing Skills 4)	3	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU4	4	25239
40	25285	Viết luận nâng cao (English Composition)	3	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU5	5	25284
41	25217	Thuyết trình nâng cao (Speech Communication)	3	1.2.2, 3.2.2	TU4, TU5	6	25294
KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH			11				
42	25351	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh (Introduction to the English Language)	3	1.3.1, 2.4.1, 3.1.1, 4.3.1	TU2, TU2, IT2, TU2	1	
43	25343	Lý thuyết Dịch (Translation and Interpretation Theory)	2	1.3.1, 2.4.1	TU3, TU3	3	
44	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 (English Linguistics 1)	3	1.3.1, 2.2.1	TU4, TU3	4	
45	25325	Giao thoa văn hoá (Cross-Cultural Communication)	3	1.3.2, 3.1.1, 4.1.2	TU4, TU4, TU3	6	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN			27				

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
NGÀNH							
46	25341	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 2 (Practical English Grammar 2)	2	1.4.1, 2.2.1	TU3, TU3	2	25350
47	25311	Biên Dịch 1 (Translation 1)	3	1.4.1, 4.3.1	TU3, TU2	4	
48	25315	Phiên Dịch 1 (Interpretation 1)	3	1.4.1, 4.3.1	TU3, TU2	4	25293
49	25334	Biên Dịch 2 (Translation 2)	3	1.4.1, 4.1.2, 4.3.1	TU4, TU2, TU3	5	25311
50	25316	Phiên Dịch 2 (Interpretation 2)	3	1.4.1, 4.2.2, 4.3.1	TU4, TU3, TU3	5	25315
51	25329	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2 (English Linguistics 2)	3	1.4.1, 2.2.1	TU4, TU3	5	
52	25346	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	1.4.1, 2.3.2	TU4, TU3	6	
53	25347	Văn học Anh Mỹ (British-American Literature)	3	1.4.1, 2.3.2	TU4, TU3	6	
54	25344	Biên Dịch nâng cao (Advanced Translation)	2	1.4.1, 2.3.1, 4.3.1	TU4, TU3, TU4	6	25334
55	25345	Phiên Dịch nâng cao (Advanced Interpretation)	2	1.4.1, 4.2.2, 4.3.1	TU4, TU4, TU4	6	25316
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			13				
56	25251	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)	3			2	
57	25256	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)	3			2	
58	25259	Tiếng Hàn 1 (Korean 1)	3			2	
59	17102	Tin học VP (Microsoft Office)	3			2	
60	25348	Tư duy phân biện (Critical Thinking)	3			2	
61	25254	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3			3	
62	25257	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)	3			3	
63	25260	Tiếng Hàn 2 (Korean 2)	3			3	
64	25462	Làm việc trong MT đa VH (Working Across Cultures)	3			3	
65	25255	Tiếng Nhật 3 (Japanese 3)	3			4	
66	25258	Tiếng Trung 3 (Chinese 3)	3			4	
67	25264	Tiếng Hàn 3 (Korean 3)	3			4	
68	29102	Kỹ năng mềm 2 (Soft skills 2)	2			4	
69	25470	Tiếng Anh Kinh tế Hàng hải (English for Maritime Economics)	3			5	
70	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh (English for Legal Professional)	3			5	
71	25338	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (English Language Teaching Methodology)	3			5	
72	25467	Tiếng Anh Logistics (English for Logistics)	3			5	
73	25466	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn	3			6	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
		(English for Tourism & Hospitality)					
74	25327	Phương pháp nghiên cứu KH (Research Methodology)	3			6	
75	25469	Tiếng Anh Marketing (English for Marketing)	3			6	
THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP			12				
76	25352	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	6	1.4.1, 2.3.1, 3.2.2, 4.2.2, 4.3.1	U4, U3, U5, U4, U4	7	25344, 25345
77	25331	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	6	1.4.1, 2.3.1, 3.1.1, 4.3.1	U4, U3, U4, TU5	8	
78	25336	Chuyên đề Phiên dịch (Interpretation Seminar)	3	1.4.1, 3.1.1, 4.3.1	U4, U4, TU5	8	
79	25335	Chuyên đề Biên dịch (Translation Seminar)	3	1.4.1, 2.3.1, 4.3.1	U4, U3, TU5	8	

2.1.2 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 135 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 26 TC.
- b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 46 TC.
- c. Khối kiến thức ngành: 11 TC
- d. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 27 TC.
- e. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 13 TC.
- f. Thực tập, Tốt nghiệp: 12 TC

4.3. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			13				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4/6				
1	27101	Bơi lội	1	2.1.2	TU3		
2	27102	Điền kinh	1	2.1.2	TU3		
3	27201	Bóng chuyền	1	2.1.2	TU3		
4	27202	Cầu lông	1	2.1.2	TU3		
5	27203	Bóng rổ	1	2.1.2	TU3		
6	27204	Bóng đá	1	2.1.2	TU3		

I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			9				
7	24102	Công tác quốc phòng và an ninh (National Defense and Security Work)	2	1.1.2	T2		
8	24103	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS Việt Nam (National Defense and Security Policy of the Communist Party of Vietnam)	3	1.1.2	T2		
9	24203	Quân sự chung (General Military)	2	1.1.2	T2		
10	24204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (Infantry Combat Techniques and Tactics)	2	2.1.1	TU3		
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			26				
11	19101	Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)	3	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	1	
12	19401	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Leninist Political Economy)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	2	19101
13	19501	Chủ nghĩa XHKH (Science Socialism)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU3	3	19401
14	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU4	4	19302
15	19302	Lịch sử ĐCSVN (History of the Communist Party of Vietnam)	2	1.1.1, 4.1.1	T2, TU4	5	19501
16	11401	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	1.1.1	T2	2	
17	25340	Ngữ pháp TA thực hành 1 (Practical English Grammar 1)	3	1.1.3, 2.2.1	TU2	1	
18	25339	Ngữ âm cơ bản (Basic Pronunciation)	2	1.1.3, 2.2.1	TU2, TU 2	1	
19	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Basic Vietnamese Culture)	3	1.1.3, 3.1.1 4.2.1	TU3, TU3, TU 2	2	
20	25324	Văn hóa văn minh Anh Mỹ (British-American Culture and Civilization)	3	1.1.3, 4.2.1	TU3, TU3	3	

21	25350	Dẫn luận ngôn ngữ học(An Introduction to Linguistics)	2	1.4.1, 2.3.2, 3.1.1	TU3, TU2, TU3	3	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			46				
22	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1(Listening Skills 1)	2	1.2.1, 3.2.2	TU3, TU3	1	
23	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2(Listening Skills 2)	2	1.2.1, 3.2.2	TU3, TU3	2	25201
24	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3(Listening Skills 3)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU4	3	25202
25	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4(Listening Skills 4)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU4	4	25205
26	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5(Listening Skills 5)	2	1.2.1, 3.2.2	TU4, TU5	5	25206
27	25211	Kỹ năng Nói 1(Speaking Skills 1)	2	1.2.2,3.2.2	TU3, TU3	1	
28	25212	Kỹ năng Nói 2(Speaking Skills 2)	2	1.2.2, 3.2.2	TU3, TU3	2	25211
29	25293	Kỹ năng Nói 3(Speaking Skills 3)	3	1.2.2, 3.2.2	TU4, TU4	3	25212
30	25294	Kỹ năng Nói 4(Speaking Skills 4)	3	1.2.2, 3.2.2	TU4, TU4	4	25293
31	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1(Reading skills 1)	2	1.2.3,3.2.2	TU3, TU3	1	
32	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2(Reading skills 2)	2	1.2.3, 3.2.2	TU3, TU3	2	25221
33	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3 (Reading skills 3)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU4	3	25222
34	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4 (Reading skills 4)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU4	4	25225
35	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5(Reading skills 5)	2	1.2.3, 3.2.2	TU4, TU5	5	25226
36	25281	Kỹ năng Viết 1(Writing Skills 1)	3	1.2.4,3.2.2	TU3, TU3	1	
37	25232	Kỹ năng Viết 2(Writing Skills 2)	2	1.2.4, 3.2.2	TU3, TU3	2	25281

38	25239	Kỹ năng Viết 3(Writing Skills 3)	2	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU4	3	25232
39	25284	Kỹ năng Viết 4(Writing Skills 4)	3	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU4	4	25239
40	25285	Viết luận nâng cao(English Composition)	3	1.2.4, 3.2.2	TU4, TU5	5	25284
41	25217	Thuyết trình nâng cao(Speech Communication)	3	1.2.2,3.2.2	TU4, TU5	6	25294
KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH			11				
42	25351	Nhập môn Ngôn ngữ Anh (Introduction to the English Language)	3	1.3.1, 2.4.1, 3.1.1, 4.3.1	TU2, TU2, IT2, TU2	1	
43	25343	Lý thuyết Dịch(Translation and Interpretation Theory)	2	1.3.1, 2.4.1	TU3, TU3	3	
44	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1(English Linguistics 1)	3	1.3.1, 2.2.1	TU4, TU3	4	
45	25325	Giao thoa văn hoá (Cross-Cultural Communication)	3	1.3.2, 3.1.1, 4.1.2	TU4, TU4, TU3	6	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			27				
46	25456	Tiếng Anh Thương mại 1(Business English 1)	3	1.4.1, 1.3.2, 3.1.1	TU2, TU2, TU3	2	
47	25461	Tiếng Anh Thương mại 2(Business English 2)	2	1.4.1, 1.3.2, 3.1.1,	TU3, TU3 TU3	3	
48	15112	Kinh tế học (Economics)	4	1.4.1	TU4	3	
49	15818 E	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng (Fundamentals of Logistics and Supply Chain)	3	1.4.1	TU3	5	
50	25463	Biên dịch thương mại 1(Business Transation 1)	3	1.4.1, 4.3.1	TU3, TU2	5	25340
51	25464	Phiên Dịch thương mại 1 (Business Interpretation 1)	3	1.4.1, 4.3.1	TU3, TU3	5	25340

52	25424	Biên dịch thương mại 2 (Business Transation 2)	3	1.4.1, 4.1.2 4.3.1	TU4, TU2, TU3	6	25463
53	25465	Phiên dịch thương mại 2(Business Interpretation 2)	3	1.4.1, 4.2.2 4.3.1	TU4, TU3, TU4	6	25464
54	15640 E	Quan hệ kinh tế quốc tế (International Economic)	3	1.4.1	TU4	6	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			13				
55	25251	Tiếng Nhật 1(Japanese 1)	3			2	
56	25256	Tiếng Trung 1(Chinese 1)	3			2	
57	25259	Tiếng Hàn 1(Korean 1)	3			2	
58	25348	Tư duy phản biện Critical Thinking)	3			2	
59	17102	Tin học VP (Microsoft Office)	3			2	
60	25254	Tiếng Nhật 2(Japanese 2)	3			3	
61	25257	Tiếng Trung 2(Chinese 2)	3			3	
62	25260	Tiếng Hàn 2 Korean 2)	3			3	
63	25462	Làm việc trong MT đa VH(Working Across Cultures)	3			3	
64	25255	Tiếng Nhật 3 Japanese 3)	3			4	
65	25258	Tiếng Trung 3(Chinese 3)	3			4	
66	25264	Tiếng Hàn 3(Korean 3)	3			4	
67	25469	Tiếng Anh Marketing (English for Marketing)	3			4	
68	25450	Giao tiếp thương mại(Business Communication)	2			4	
69	29102	Kỹ năng mềm 2(Soft skills 2)	2			4	
70	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh (English for Legal Professional)	3			5	
71	25338	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh(English Language Teaching Methodology)	3			5	

72	25451	Tiếng Anh Logistics (English for Logistics)	3			5	
73	25448	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn(English for Tourism & Hospitality)	3			6	
74	25327	Phương pháp nghiên cứu KH(Research Methodology)	3			6	
75	25470	Tiếng Anh Kinh tế Hàng hải (English for Maritime Economics)	3			6	
THỰC TẬP + TỐT NGHIỆP			12				
76	25430	Thực tập tốt nghiệp(Internship)	6	1.4.1, 2.3.1, 3.2.2, 4.2.2, 4.3.1	U4, U3, U5, U4, U4	7	25424 25465
77	25431	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	6	1.4.1, 2.3.1, 3.1.1, 4.3.1	U4, U3, U4, TU5	8	
78	25436	Chuyên đề Phiên dịch thương mại(Business Interpretation Seminar)	3	1.4.1, 3.1.1, 4.3.1	U4, U4, TU5	8	
79	25435	Chuyên đề Biên dịch thương mại(Business Translation Seminar)	3	1.4.1, 2.3.1, 4.3.1	U4, U3, TU5	8	

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi

2.2.1 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

H/ kỳ	Mã HP	Tên HP	Số T C	Chủ đề CDR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																								
				1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.2.4	1.3.1	1.3.2	1.4.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.3.1	2.3.2	2.4.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	
1	25351	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3								TU 2								TU 2	IT2								TU2
	19101	Triết học Mác - Lê Nin	3	T2																							TU3	
	25350	Ngữ pháp TA thực hành 1	3			TU 2													TU 2									
	25339	Ngữ âm cơ bản	2			TU 2													TU 2									
	25280	Kỹ năng Viết 1	3	T2							TU 3																TU 3	
	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2								TU 3																TU 3	
	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2				TU 3																				TU 3	
	25211	Kỹ năng Nói 1	2					TU 3																			TU 3	
2	19401	Kinh tế chính trị	2	T2																							TU3	
	11401	Pháp luật ĐC	2	T2																								
	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2								TU 3																TU 3	
	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2				TU 3																				TU 3	

	25212	Kỹ năng Nói 2	2					TU 3													TU 3					
	25232	Kỹ năng Viết 2	2						TU 3												TU 3					
	25341	Ngữ pháp TA thực hành 2	2									TU3			TU 3											
	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3			TU 3											TU 3								TU2	
3	19501	CN XH KH	2	T2																				TU3		
	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2						T U 4															TU 4		
	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2				TU 4																	TU 4		
	25293	Kỹ năng Nói 3	3					TU 4																TU 4		
	25239	Kỹ năng Viết 3	2						TU 4															TU 4		
	25343	Lý thuyết Dịch	2							TU 3															TU 3	
	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2			TU 3											TU 2				TU 3					
	25324	Văn hóa VM Anh Mỹ	3			TU 3																				TU3
4	19201	Tư tưởng HCM	2	T2																					TU4	
	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2						T U 4																TU 4	
	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2				TU 4																		TU 4	
	25294	Kỹ năng Nói 4	3					TU 4																	TU 4	
	25284	Kỹ năng Viết 4	3						TU																TU	

2.2.2 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại

H/ kỳ	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																								
				1. 1. 1	1. 1. 2	1. 1. 3	1. 2. 1	1. 2. 2	1. 2. 3	1. 2. 4	1. 3. 1	1. 3. 2	1. 4. 1	2. 1. 1	2. 1. 2	2. 2. 1	2. 3. 1	2. 3. 2	2. 4. 1	3. 1. 1	3. 2. 1	3. 2. 2	4. 1. 1	4. 1. 2	4. 2. 1	4. 2. 2	4. 3. 1	
1	25332	Nhập môn Ngôn ngữ Anh	3								TU2									TU2	IT2							TU2
	19101	Triết học Mác - Lê Nin	3	T2																								TU3
	25340	Ngữ pháp TA thực hành 1	2			TU2														TU2								
	25339	Ngữ âm cơ bản	2			TU2														TU2								
	25281	Kỹ năng Viết 1	3								TU3																	TU3
	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2								TU3																	TU3
	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2								TU3																	TU3
	25211	Kỹ năng Nói 1	2								TU3																	TU3
2	19401	Kinh tế chính trị	2	T2																								TU3
	11401	Pháp luật đại cương	2	T2																								
	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2								TU3																	TU3
	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2								TU3																	TU3
	25212	Kỹ năng Nói 2	2								TU3																	TU3
	25232	Kỹ năng Viết 2	2								TU3																	TU3
	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3										TU2	TU2														TU3

	25237	Kỹ năng Viết chuyên đề	3							U4										U5						
	15818E	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	3									TU3														
	25463	Biên dịch thương mại 1	3									TU3													TU2	
	25464	Phiên dịch thương mại 1	3									TU3													TU3	
6	15640E	Quan hệ kinh tế quốc tế	3									TU4														
	25424	Biên dịch thương mại 2	3									TU4												TU2		TU3
	25465	Phiên dịch thương mại 2	3									TU4												TU3	TU4	
	25217	Thuyết trình nâng cao	3								TU4															TU5
	25325	Giao thoa văn hóa	3									TU4														TU3
7	25430	Thực tập tốt nghiệp	6									U4													U4	U4
8	25331	Khóa luận Tốt nghiệp	6									U4														TU5
		Chuyên đề Biên dịch										U4														TU5
		Chuyên đề Phiên dịch										U4														TU5
		Chứng chỉ Tin học MOS																								U5
		GDTC																								U3
	24103	Đường lối QPAN của ĐCS VN																								T2

Đánh giá năng lực của sinh viên

Học kỳ	Chủ đề chuẩn đầu ra và các TĐNL																							
	1.1			1.2				1.3		1.4	2.1		2.2	2.3		2.4	3.1	3.2		4.1		4.2		4.3
	1.1	1.2	1.3	1.1	1.2	1.3	1.4	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.1	3.2	3.2	4.1	4.1	4.2	4.2
1	T2		TU2	TU3	TU3	TU3	TU3	TU2					TU2			TU2	IT2		TU3	TU3				TU2
2	T2		TU3	TU3	TU3	TU3	TU3			TU2					TU2		TU3		TU3	TU3				
3	T2			TU4	TU4	TU4	TU4	TU3		TU3					TU3				TU4	TU3			TU3	
4	T2		TU3	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4					TU3						TU4	TU4			TU2	
5	T2			TU4		U4	U4			TU3			TU3	TU3		TU3			U5	TU4				TU3
6					U4				TU4	TU4				TU3		TU3	TU4		U5		TU3	TU3	TU4	TU4
7										U4				U3									U4	TU5
8		T2								U4		U3						U5						U5
CDR của CTĐT	2		3	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	4	5	5	4	3	3	4	5

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

2.3.1 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

2.3.1.1 Hệ chính quy

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	25351	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3	45				III	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	30				I	
3	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	30				I	
4	25211	Kỹ năng Nói 1	2	30				I	
5	25280	Kỹ năng Viết 1	3	45				I	
6	25350	Ngữ pháp TA thực hành 1	3	45				I	
7	19101	Triết học Mác-Lênin	3	35	20			I	
8	25339	Ngữ âm cơ bản	2	30				I	
Tự chọn			0						

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	30				I	25221
2	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	30				I	25201
3	25212	Kỹ năng Nói 2	2	30				I	25211
4	25232	Kỹ năng Viết 2	2	30				I	25280
5	19401	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	20			I	19101
6	25341	Ngữ pháp TA thực hành 2	2	30				I	
7	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
8	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45				III	
Tự chọn									
1	25251	Tiếng Nhật 1	3	45				I	
2	25256	Tiếng Trung 1	3	45				I	
3	25259	Tiếng Hàn 1	3	45				I	
4	25348	Tư duy phản biện	3	45				III	
5	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	30				I	25222
2	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	30				I	25202
3	25293	Kỹ năng Nói 3	3	45				I	25212
4	25239	Kỹ năng Viết 3	2	30				I	25232
5	19501	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20			I	19401
6	25343	Lý Thuyết Dịch	2	30				I	
7	25324	Văn hóa Văn Minh Anh Mỹ	3	45				III	
8	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30				III	
Tự chọn									
1	25254	Tiếng Nhật 2	3	45				I	
2	25257	Tiếng Trung 2	3	45				I	
3	25260	Tiếng Hàn 2	3	45				I	
4	25462	Làm việc trong MT đa VH	3	45				I	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			21						
1	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	30				I	25225
2	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	30				I	25205
3	25294	Kỹ năng Nói 4	3	45				I	25293
4	25284	Kỹ năng Viết 4	3	45				I	25239
5	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19501
6	25311	Biên dịch 1	3	45				I	
7	25315	Phiên dịch 1	3	45				I	25293
8	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	45				I	
Tự chọn									
1	25255	Tiếng Nhật 3	3	45				I	
2	25258	Tiếng Trung 3	3	45				I	
3	26264	Tiếng Hàn 3	3	45				I	
4	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						

1	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	30				I	25226
2	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	30				I	25206
3	25285	Viết luận nâng cao	3	45				III	25284
4	25329	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	45				I	
5	25334	Biên dịch 2	3	45				I	25311
6	25316	Phiên dịch 2	3	45				I	25315
7	19303	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20			I	19201
Tự chọn									
1	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh	3	45				I	
2	25467	Tiếng Anh Logistics	3	45				I	
3	25338	Phương pháp giảng dạy TA	3	45				III	
4	25470	Tiếng Anh Kinh tế hàng hải	3	45				I	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			16						
1	25346	Phân tích diễn ngôn	3	45				I	
2	25344	Biên Dịch nâng cao	2	30				I	25334
3	25345	Phiên Dịch nâng cao	2	30				III	25316
4	25325	Giao thoa văn hóa	3	45				III	
5	25217	Thuyết trình nâng cao	3	45				III	25294
6	25347	Văn học Anh Mĩ	3	45				III	
Tự chọn									
1	25327	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45				III	
2	25466	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn	3	45				I	
3	25469	Tiếng Anh Marketing	3	45				I	

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			6						
1	25352	Thực tập tốt nghiệp	6					II	25344, 25345

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Tự chọn tốt nghiệp			6/12						
1	25331	Khóa luận tốt nghiệp	6				90	II	

2	25336	Chuyên đề Phiên dịch	3	45				III	
3	25335	Chuyên đề Biên dịch	3	45				III	

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.3.1.2 Hệ vừa làm vừa học

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	25351	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3	45				III	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	30				I	
3	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	30				I	
4	25211	Kỹ năng Nói 1	2	30				I	
5	25280	Kỹ năng Viết 1	3	45				I	
6	25350	Ngữ pháp TA thực hành 1	3	45				I	
7	19101	Triết học Mác-Lênin	3	35	20			I	
8	25339	Ngữ âm cơ bản	2	30				I	

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	30				I	25221
2	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	30				I	25201
3	25212	Kỹ năng Nói 2	2	30				I	25211
4	25232	Kỹ năng Viết 2	2	30				I	25280
5	19401	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	20			I	19101
6	25341	Ngữ pháp TA thực hành 2	2	30				I	
7	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
8	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45				III	
Tự chọn									
1	25251	Tiếng Nhật 1	3	45				I	
2	25256	Tiếng Trung 1	3	45				I	
3	25259	Tiếng Hàn 1	3	45				I	
4	25348	Tư duy phản biện	3	45				III	
5	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
----	-------	--------------	----	----	-----------	-----	----	---------	--------------

Bắt buộc			18						
1	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	30				I	25222
2	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	30				I	25202
3	25293	Kỹ năng Nói 3	3	45				I	25212
4	25239	Kỹ năng Viết 3	2	30				I	25232
5	19501	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20			I	19401
6	25343	Lý Thuyết Dịch	2	30				I	
7	25324	Văn hóa Văn Minh Anh Mỹ	3	45				III	
8	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30				III	
Tự chọn									
1	25254	Tiếng Nhật 2	3	45				I	
2	25257	Tiếng Trung 2	3	45				I	
3	25260	Tiếng Hàn 2	3	45				I	
4	25462	Làm việc trong MT đa VH	3	45				I	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	30				I	25225
2	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	30				I	25205
3	25294	Kỹ năng Nói 4	3	45				I	25293
4	25284	Kỹ năng Viết 4	3	45				I	25239
5	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19501
6	25311	Biên dịch 1	3	45				I	
7	25315	Phiên dịch 1	3	45				I	25293
Tự chọn									
1	25255	Tiếng Nhật 3	3	45				I	
2	25258	Tiếng Trung 3	3	45				I	
3	26264	Tiếng Hàn 3	3	45				I	
4	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	30				I	25226
2	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	30				I	25206
3	25285	Viết luận nâng cao	3	45				III	25284
4	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	45				I	

5	25334	Biên dịch 2	3	45				I	25311
6	25316	Phiên dịch 2	3	45				I	25315
7	19303	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20			I	19201
Tự chọn									
1	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh	3	45				I	
2	25467	Tiếng Anh Logistics	3	45				I	
3	25338	Phương pháp giảng dạy TA	3	45				III	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			10						
1	25344	Biên Dịch nâng cao	2	30				I	25334
2	25345	Phiên Dịch nâng cao	2	30				III	25316
3	25329	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	45				I	
4	25217	Thuyết trình nâng cao	3	45				III	25294
Tự chọn									
1	25470	Tiếng Anh Kinh tế hàng hải	3	45				I	
2	25466	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn	3	45				I	

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			09						
1	25346	Phân tích điển ngôn	3	45				I	
2	25325	Giao thoa văn hóa	3	45				III	
3	25347	Văn học Anh Mỹ	3	45				III	
Tự chọn									
1	25327	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45				III	
2	25469	Tiếng Anh Marketing	3	45				I	

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			6						
1	25352	Thực tập tốt nghiệp	6					II	25344, 25345

Học kỳ IX

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Tự chọn tốt nghiệp			6/12						

1	25331	Khóa luận tốt nghiệp	6				90	II	
2	25336	Chuyên đề Phiên dịch	3	45				III	
3	25335	Chuyên đề Biên dịch	3	45				III	

2.3.2 Ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

2.3.2.1 Hệ chính quy

Học kỳ I

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	25351	Nhập môn ngành NNA	3	45				III	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	30				I	
3	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	30				I	
4	25211	Kỹ năng Nói 1	2	30				I	
5	25280	Kỹ năng Viết 1	3	45				I	
6	25350	Ngữ pháp TA thực hành 1	3	45				I	
7	19101	Triết học Mác-Lênin	3	35	20			I	
8	25339	Ngữ âm cơ bản	2	30				I	

Học kỳ II

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	30				I	25221
2	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	30				I	25201
3	25212	Kỹ năng Nói 2	2	30				I	25211
4	25232	Kỹ năng Viết 2	2	30				I	25231
5	19401	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	20			I	19101
6	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3	45				I	
7	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
8	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45				III	
Tự chọn									

1	25251	Tiếng Nhật 1	3	45				I	
2	25256	Tiếng Trung 1	3	45				I	
3	25259	Tiếng Hàn 1	3	45				I	
4	25348	Tư duy phản biện	3	45				III	
5	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Học kỳ III

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	30				I	25222
2	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	30				I	25202
3	25293	Kỹ năng Nói 3	3	45				I	25212
4	25239	Kỹ năng Viết 3	2	30				I	25232
5	19501	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20			I	19101, 19401
6	25324	Văn hóa Văn minh Anh-Mỹ	3	45				III	
7	25343	Lý Thuyết Dịch	2	30				I	
8	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30				III	
9	25461	Tiếng Anh thương mại 2	2	30				I	
Tự chọn									
1	25254	Tiếng Nhật 2	3	45				I	
2	25257	Tiếng Trung 2	3	45				I	
3	25260	Tiếng Hàn 2	3	45				I	
4	25462	Làm việc trong môi trường đa văn hóa	3	45				I	

Học kỳ IV

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			19						
1	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	30				I	25225
2	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	30				I	25205
3	25294	Kỹ năng Nói 4	3	45				I	25293

4	25284	Kỹ năng Viết 4	3	30				I	25239
5	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19501
6	15112E	Kinh tế học	4	60				I	
7	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	45				I	
Tự chọn			3						
1	25255	Tiếng Nhật 3	3	45				I	
2	25258	Tiếng Trung 3	3	45				I	
3	25264	Tiếng Hàn 3	3	45				I	
4	25460	Giao tiếp thương mại	2	30				I	
5	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	

Học kỳ V

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	30				I	25206
2	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	30				I	25226
3	25285	Viết luận nâng cao	3	45				III	25284
4	15818E	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	3	45				I	
5	25463	Biên dịch thương mại 1	3	45				I	25340
6	25464	Phiên dịch thương mại 1	3	45				I	25340
7	19302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	20			I	19201
Tự chọn									
1	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh	3	45				I	
2	25467	Tiếng Anh Logistics	3	45				I	
3	25338	Phương pháp giảng dạy TA	3	45				III	
4	25470	Tiếng Anh Kinh tế hàng hải	3	45				I	

Học kỳ VI

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
--------	-------	--------------	----	----	-----------	---------	----	------------	-----------------

Bắt buộc			15						
1	25424	Biên dịch thương mại 2	3	30				I	25463
2	25465	Phiên Dịch thương mại 2	3	30				I	25465
3	25325	Giao thoa văn hóa	3	45				III	
4	25217	Thuyết trình nâng cao	3	45				III	25294
5	15640E	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	
Tự chọn									
1	25327	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45				I	
2	25466	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn	3	45				I	
3	25469	Tiếng Anh Marketing	3	45				I	
4	25346	Phân tích điển ngôn	3	45				I	

Học kỳ VII

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			6						
1	25430	Thực tập tốt nghiệp	6					II	25424, 25465

Học kỳ VIII

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Tự chọn			6						
1	25431	Khóa luận tốt nghiệp	6				90	II	
2	25435	Chuyên đề phiên dịch thương mại	3	45				III	
3	25436	Chuyên đề biên dịch thương mại	3	45				III	

2.3.2.2 Hệ vừa làm vừa học

Học kỳ I

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	25351	Nhập môn ngành NNA	3	45				III	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	30				I	
3	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	30				I	
4	25211	Kỹ năng Nói 1	2	30				I	
5	25280	Kỹ năng Viết 1	3	45				I	
6	25350	Ngữ pháp TA thực hành 1	3	45				I	
7	19101	Triết học Mác-Lênin	3	35	20			I	
8	25339	Ngữ âm cơ bản	2	30				I	

Học kỳ II

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	30				I	25221
2	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	30				I	25201
3	25212	Kỹ năng Nói 2	2	30				I	25211
4	25232	Kỹ năng Viết 2	2	30				I	25231
5	19401	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	20			I	19101
6	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3	45				I	
7	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
8	25349	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45				III	
Tự chọn									
1	25251	Tiếng Nhật 1	3	45				I	
2	25256	Tiếng Trung 1	3	45				I	
3	25259	Tiếng Hàn 1	3	45				I	
4	25348	Tư duy phản biện	3	45				III	
5	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Học kỳ III

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	30				I	25222
2	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	30				I	25202
3	25293	Kỹ năng Nói 3	3	45				I	25212
4	25239	Kỹ năng Viết 3	2	30				I	25232
5	19501	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20			I	19101, 19401
6	25343	Lý Thuyết Dịch	2	30				I	
7	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30				III	
8	25461	Tiếng Anh thương mại 2	2	30				I	
Tự chọn									
1	25254	Tiếng Nhật 2	3	45				I	
2	25257	Tiếng Trung 2	3	45				I	
3	25260	Tiếng Hàn 2	3	45				I	
4	25462	Làm việc trong môi trường đa văn hóa	3	45				I	

Học kỳ IV

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			19						
1	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	30				I	25225
2	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	30				I	25205
3	25294	Kỹ năng Nói 4	3	45				I	25293
4	25284	Kỹ năng Viết 4	3	30				I	25239
5	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19501
6	15112E	Kinh tế học	4	60				I	
7	25328	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	45				I	
Tự chọn									

1	25255	Tiếng Nhật 3	3	45				I	
2	25258	Tiếng Trung 3	3	45				I	
3	25264	Tiếng Hàn 3	3	45				I	
4	25460	Giao tiếp thương mại	2	30				I	
5	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	

Học kỳ V

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	30				I	25206
2	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	30				I	25226
3	25285	Viết luận nâng cao	3	45				III	25284
5	25463	Biên dịch thương mại 1	3	45				I	25340
6	25464	Phiên dịch thương mại 1	3	45				I	25340
7	19302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	20			I	19201
Tự chọn									
1	25468	Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh	3	45				I	
2	25467	Tiếng Anh Logistics	3	45				I	
3	25338	Phương pháp giảng dạy TA	3	45				III	
4	25470	Tiếng Anh Kinh tế hàng hải	3	45				I	

Học kỳ VI

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	25424	Biên dịch thương mại 2	3	30				I	25463
2	25465	Phiên Dịch thương mại 2	3	30				I	25465
3	25217	Thuyết trình nâng cao	3	45				III	25294
4	15818E	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	3	45				I	
Tự chọn									

2	25466	Tiếng Anh Du lịch và khách sạn	3	45				I	
4	25346	Phân tích diễn ngôn	3	45				I	

Học kỳ VII

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			9						
1	25324	Văn hóa Văn minh Anh-Mỹ	3	45				III	
2	25325	Giao thoa văn hóa	3	45				III	
3	15640E	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	
Tự chọn									
1	25327	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45				I	
3	25469	Tiếng Anh Marketing	3	45				I	

Học kỳ VIII

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			6						
1	25430	Thực tập tốt nghiệp	6					II	25424, 25465

Học kỳ IX

T T	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
Tự chọn			6						
1	25431	Khóa luận tốt nghiệp	6				90	II	
2	25435	Chuyên đề phiên dịch thương mại	3	45				III	
3	25436	Chuyên đề biên dịch thương mại	3	45				III	

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

Copy phần tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, điều kiện tiên quyết và mô tả nội dung học phần từ các đề cương học phần.

KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY

2.4.1. Bơi lội (Swimming)

Mã HP: 27101

- Số tín chỉ: 1TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Bơi lội là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp người học các kiến thức về luật bơi lội, phương pháp tổ chức, phòng ngừa chấn thương, phòng chống đuối nước và động tác kỹ thuật bơi lội.

2.4.2. Điền kinh (Athletics)

Mã HP: 27102

- Số tín chỉ: 1TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Điền kinh là một học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về lịch sử, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chạy ở các cự ly khác nhau.

2.4.3. Bóng chuyền (Volleyball)

Mã HP: 27201

- Số tín chỉ: 1TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Bóng chuyền là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng.

2.4.4. Cầu lông (Badminton)

Mã HP: 27202

- Số tín chỉ: 1TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Cầu lông là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các động tác kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay, đánh cầu cao sâu (lốp cầu), di chuyển đơn bước, di chuyển đa bước; cung cấp kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông, phương pháp tổ chức, phòng chống chấn thương trong tập luyện.

2.4.5. Bóng rổ (Basketball)

Mã HP: 27203

- Số tín chỉ: 1TC

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Bóng rổ là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu, cách thức phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và kỹ thuật chuyên bóng, dẫn bóng, ném rổ bằng một tay trên vai, hai bước lên rổ.

2.4.6. Bóng đá (Football)

Mã HP: 27204

- Số tín chỉ: 1TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Bóng đá là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng đá, cách thức rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn; động tác kỹ thuật đỡ bóng, dẫn bóng, đá bóng bằng lòng, đá mu, ném biên, và đánh đầu.

2.4.7. Công tác quốc phòng và an ninh (National Defense and Security Work)

Mã HP: 24102

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Công tác quốc phòng và an ninh là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội.

2.4.8. Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS Việt Nam (National Defense and Security Policy of the Communist Party of Vietnam)

Mã HP: 24103

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.4.9. Quân sự chung (General Military)

Mã HP:

24203

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Quân sự chung là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quân

binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, kỹ năng quân sự và an ninh cần thiết trước thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

2.4.10. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (Infantry Combat Techniques and Tactics) Mã HP: 24204

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng trang bị cho người học các kiến thức về bắn súng Tiểu liên AK; cách sử dụng lựu đạn, chiến thuật từng người trong chiến đấu và canh gác.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN

2.4.11. Triết học Mác-Lênin (Marxist- Leninist Philosophy) Mã HP: 19101

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: không.
- Nội dung học phần: Học phần Triết học Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

2.4.12. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Leninist Political Economy) Mã HP: 19401

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác - Lênin.
- Nội dung học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường; giá trị thặng dư; cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường và các kiến thức kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

2.4.13. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science Socialism) Mã HP: 19501

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần "Triết học Mác - Lênin", "Kinh tế chính trị Mác - Lênin"

- Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, giúp sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

2.4.14. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)

Mã HP: 19201

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Nội dung học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần minh họa nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.4.15. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)

Mã HP: 19303

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung học phần: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, khẳng định được vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.4.16. Pháp luật đại cương (General Laws)

Mã HP: 11401

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Pháp luật quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức cơ bản về: lý luận về nhà nước, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, lý luận về pháp luật, quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật về Phòng chống tham nhũng.

2.4.17. Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 1 (Practical English Grammar 1) Mã HP: 25350

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 1 thuộc khối kiến thức kỹ năng cơ bản trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại. Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 1 giới thiệu cho sinh viên kiến thức ngữ pháp thực hành trong giao tiếp và văn bản ở trình độ B1.

2.4.18. Ngữ âm cơ bản (Basic Pronunciation)

Mã HP: 25339

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần Ngữ âm cơ bản thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Khoá học này giúp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về âm (nguyên âm và phụ âm), âm tiết; trọng âm của từ và câu; các kỹ thuật phát âm sao cho chuẩn và tự nhiên. Một nền tảng tốt về ngữ âm giúp sinh viên có thể tự biết cách phát âm chuẩn từ mới thông qua hệ thống phiên âm trong từ điển, đồng thời hỗ trợ sinh viên học các kỹ năng nghe và nói hiệu quả hơn.

2.4.19. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Basic Vietnamese Culture)

Mã HP: 25349

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần Cơ sở Văn hóa Việt Nam thuộc khối kiến thức kỹ năng cơ bản trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn hóa Việt Nam, nhận diện và định nghĩa về văn hóa, cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiến trình văn hóa Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội. Môn học cũng cung cấp kiến thức nền cho việc tiếp thu và đối chiếu khi học các học phần Văn hóa văn minh Anh - Mỹ, Giao thoa giao văn hóa.

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến nội dung bài học trên lớp giúp sinh viên có hiểu biết tổng thể về văn hóa Việt Nam, từ đó biết giữ gìn, bảo vệ, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc, tự tin giới thiệu, quảng bá với bạn bè, du khách quốc tế nền văn hóa đậm đà bản sắc của nước nhà.

2.4.20. Văn hóa văn minh Anh Mỹ (British-American Culture and Civilization)

Mã HP: 25324

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Môn học Văn hóa văn minh Anh Mỹ nằm trong khối kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Học phần này cung cấp kiến thức chung về văn hóa và văn minh của Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức về nền tảng, địa lý, và các địa danh nổi bật, đời sống xã hội và các kỳ nghỉ, giáo dục, kinh tế, thể chế của hai quốc gia này, là cơ sở cho các môn học như Biên dịch, Phiên dịch, Biên dịch Thương Mại, Phiên dịch Thương mại.

2.4.21. Dẫn luận Ngôn ngữ học (An Introduction to Linguistics) Mã HP: 25333

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần Dẫn luận ngôn ngữ học thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức chung về ngôn ngữ học, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ. Cụ thể, học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học như: bản chất, nguồn gốc, hệ thống, kết cấu, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp. Học phần hướng dẫn, thực hành thảo luận, thuyết trình và trình bày một vấn đề lý thuyết đã học.

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến nội dung bài học trên lớp giúp sinh viên có thể tự nghiên cứu để có được hiểu biết tổng thể về ngôn ngữ học, từ đó, sinh viên có ý thức bảo vệ, giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ Việt, góp phần dựng xây làm giàu ngôn ngữ của nước nhà.

Có thể dạy ngôn ngữ Việt cho người nước ngoài, góp phần quảng bá ngôn ngữ dân tộc với bạn bè quốc tế.

Kết thúc học phần, Sinh viên có được kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học hỗ trợ tích cực cho việc học ngoại ngữ và học phần Ngôn ngữ học tiếng Anh1&2, Biên dịch, Phiên dịch.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ

2.4.22. Kỹ năng Nghe 1 (Listening Skills 1)

Mã HP: 25201

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nghe 1 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc nghe hiểu cơ bản theo một số chủ điểm ở trình độ Sơ trung cấp (Pre-Intermediate). Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B1.

2.4.23. **Kỹ năng Nghe 2 (Listening Skills 2)**

Mã HP: 25202

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25201**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nghe 2 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần cung cấp vốn từ vựng cơ bản và kiến thức nền về các chủ đề chủ đề khoa học, tự nhiên và xã hội. Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu cơ bản như nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B1.

2.4.24. **Kỹ năng Nghe 3 (Listening Skills 3)**

Mã HP: 25205

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25202**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nghe hiểu 3 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần cung cấp vốn từ vựng mang tính học thuật và kiến thức cơ bản về các chủ đề giáo dục, và tự nhiên, xã hội như: thành phố, khám phá, di chuyển, phát minh, động vật, con người, học tập, du lịch, tài nguyên và kiến trúc . Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng nghe hiểu cơ bản như nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết, ghi chú khi nghe, nghe lấy từ quan trọng. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cấp độ trung cấp nâng cao, tương đương với B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)

2.4.25. **Kỹ năng Nghe 4 (Listening Skills 4)**

Mã HP: 25206

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25205**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nghe 4 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại

Học phần tiếp tục cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội quen thuộc và không quen thuộc: nơi ở, sức khỏe, giao tiếp, truyền thông, môi trường, tiền tệ, mối quan hệ, và thiết kế. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng dự đoán trước khi nghe, nghe trả lời câu hỏi, nghe để điền thông tin, nghe để nói, nghe để chọn thông tin chính.... thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu trên trung cấp tiếng Anh (Upper Intermediate), tương đương B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)

2.4.26. **Kỹ năng Nghe 5 (Listening Skills 5)**

Mã HP: 25207

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25206**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nghe hiểu 5 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần cung cấp vốn từ vựng mang tính học thuật cao cấp và kiến thức chuyên môn về các chủ đề chuyên ngành về kinh tế, xã hội, khoa học như: ‘*Art and the artist*’, ‘*IT society*’, ‘*Across the universe*’, ‘*Getting higher qualifications*’, hay những chủ đề thông thường như ‘*Colour my world*’ hay ‘*A healthy life*’. Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu phục vụ các bài thi học thuật như : *dự đoán trước khi nghe, nghe trả lời câu hỏi, nghe để điền thông tin, nghe để nói, nghe để chọn thông tin chính....* thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cao cấp, C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

2.4.27. Kỹ Năng Nói 1 (Speaking Skills 1):

Mã HP: **25211**

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: *Không*

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nói 1 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần bao quát các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: *Meeting people, Restaurant, Health, Banks and post office, travel, schedule*. Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: Mô tả (người, vật, hoạt động, địa điểm).
- Kỹ năng nói độc thoại 2: Lập luận (argumentative), trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ.
- Kỹ năng nói tương tác 1: Hội thoại về chủ đề quen thuộc, phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, cung cấp thông tin cụ thể được yêu cầu.
- Kỹ năng nói tương tác 2: Các mục đích giao tiếp: lời mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn, đề nghị giúp đỡ, lập kế hoạch, giao tiếp điện thoại, diễn đạt điều mình thích/không thích, đóng mở hội thoại.

Học phần cũng đồng thời tập trung vào phát âm, cụ thể là các âm đơn, các chuỗi âm, stress trong câu, ngữ âm và ngữ điệu trong cụm từ và trong câu. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B1.

2.4.28. Kỹ năng Nói 2 (Speaking Skills 2)

Mã HP: **25212**

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25211**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nói 2 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc thực hiện bài nói độc thoại để đưa ra giải thích cho một ý tưởng hay đưa ra mô tả hình ảnh ở trình độ trung cấp. Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản của kỹ năng thực hành tiếng.

Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề thông thường nhưng theo hướng học thuật như các vấn đề về công việc, cuộc sống, gia đình và các chủ đề mang tính tự nhiên như tốc độ, môi trường và tầm nhìn. Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành kỹ năng nói. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B1.

2.4.29. Kỹ năng Nói 3 (Speaking Skills 3)

Mã HP: 25293

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: 25212

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nói 3 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc tổ chức các bài nói độc thoại để đưa ra ý tưởng, giải thích cho một ý tưởng hay đưa ra quan điểm ở trình độ trung cấp. Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề thông thường nhưng theo hướng học thuật như các vấn đề về công việc, học tập, công nghệ và giải trí. Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành kỹ năng nói. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B2.

2.4.30. Kỹ năng Nói 4 (Speaking Skills 4)

Mã HP: 25294

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: 25293

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Nói 4 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần Nói 4 tiếp tục củng cố kiến thức về kỹ năng Nói cho sinh viên trong bài thi IELTS học thuật ở mức độ Upper-intermediate (nâng cao), tập trung vào các chủ

đề đòi hỏi nhiều kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội hơn như giáo dục, việc làm, cơ hội, v.v.

Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: giới thiệu về bản thân theo hướng học thuật
- Kỹ năng nói độc thoại 2: Lập luận (argumentative), trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ., thuyết trình
- Kỹ năng nói tương tác 1: Các mục đích giao tiếp: thảo luận, đưa ra ý kiến bản thân, hướng dẫn...

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ trên trung cấp B2.

2.4.31. Kỹ năng Đọc hiểu 1 (Reading Skills 1)

Mã HP: 25221

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc 1 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng các kỹ năng đọc hiểu có hiệu quả trong việc làm các dạng bài đọc theo một số chủ đề ở trình độ Sơ trung cấp (Pre-intermediate). Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ B1.

2.4.32. Kỹ năng Đọc hiểu 2 (Reading Skills 2)

Mã HP: 25222

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25221**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc 2 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần tiếp tục cung cấp vốn từ vựng quan trọng, hay gặp (phổ biến) và củng cố các cấu trúc ngữ pháp đã học ở phổ thông về các chủ đề về con người và địa điểm có thật trên thế giới và các vấn đề quan trọng đã và đang ảnh hưởng đến tất cả chúng ta.

Học phần tiếp tục cung cấp các cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng đọc hiểu đã học ở cấp độ cơ bản trong học phần 1 như đọc lướt để lấy ý chính (skimming for gist), đọc để tìm thông tin chi tiết (scanning for details), đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh (guessing meaning from context), tìm ý chính của đoạn (finding main ideas in a paragraph), suy luận (making inferences), phân biệt sự thật và suy đoán

(identifying facts and speculation) , phân tích nguyên nhân và kết quả (analyzing causes and effects), nhận dạng lý lẽ tán thành và phản đối một vấn đề (identifying pros and cons), đánh giá thái độ của người viết/tác giả (evaluating the writer's attitude) , hiểu được các tiền tố (understanding prefixes), kỹ năng ghi chú/ghi chép (taking notes), nhận dạng mệnh đề danh ngữ (recognizing noun clauses), nhận dạng liên từ phụ thuộc (recognizing subordinating conjunctions).

Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ B1 nâng cao.

2.4.33. Kỹ năng Đọc hiểu 3 (Reading Skills 3)

Mã HP: 25225

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: 25222

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc hiểu 3 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần tiếp tục cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng đọc hiểu quan trọng như: Đọc hiểu không cần biết nghĩa các từ; phân tích đoạn văn tìm ý chính và thông tin chi tiết; tìm định nghĩa của các cụm từ quan trọng; đọc các bảng biểu để tìm thông tin; xác định cấu trúc, bối cảnh, các nhân vật, giọng điệu của bài đọc; tìm kiếm cơ sở để suy diễn; hiểu nghĩa của từ qua ngữ cảnh, qua hậu tố và tiền tố hoặc suy diễn nghĩa của từ thông qua các từ đồng nghĩa, gần nghĩa và các từ trái nghĩa. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ đọc hiểu tiếng Anh trung cấp (Intermediate), tương đương B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

2.4.34. Kỹ năng Đọc hiểu 4 (Reading Skills 4)

Mã HP: 25226

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: 25225

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc hiểu 4 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần tiếp tục cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng đọc hiểu quan trọng như: tìm kiếm cơ sở để suy diễn, tìm kiếm chứng cứ để phủ nhận những tranh luận sai, đọc và hiểu các bài thơ, đọc nhanh và đọc trôi chảy, hiểu nghĩa của từ dựa vào cấu trúc và văn cảnh, đoán nghĩa của các động từ dựa vào văn cảnh, hiểu nghĩa của từ thông qua từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa, hiểu nghĩa của cụm từ chuyên ngành kiến trúc và vẻ đẹp con người dựa vào văn cảnh, nhận biết sự khác biệt giữa tiếng Anh-Anh và tiếng Anh trong các phương ngữ khác, nhận biết sự khác biệt về từ vựng giữa các vùng miền. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ đọc

hiểu trên trung cấp tiếng Anh (Upper Intermediate), tương đương B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

2.4.35. Kỹ năng Đọc hiểu 5 (Reading Skills 5)

Mã HP: 25227

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25226**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc hiểu 5 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần giới thiệu nhiều chủ điểm với những bài tập luyện các kỹ năng ở những mức độ cao. Đi kèm với các bài đọc là phần ngữ pháp, từ vựng chuyên sâu kèm theo chú giải và các đề kiểm tra ở mỗi cuối bài để người học tự đánh giá kết quả học tập của mình. Thông qua các bài đọc và các dạng bài tập phong phú, sinh viên có thể phát triển các kỹ năng đọc một cách hiệu quả, đồng thời phát triển thêm từ vựng về các lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống. Mục tiêu của học phần là sinh viên sau khi học xong có thể đạt được nền tảng vững chắc và trình độ đọc hiểu tiếng Anh cao cấp (Advanced), tương đương C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

2.4.36. Kỹ năng Viết 1 (Writing Skills 1)

Mã HP: 25280

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Viết 1 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc xây dựng câu và viết đoạn theo một số chủ điểm ở trình độ Sơ trung cấp (Pre-Intermediate). Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

Kết thúc học phần sinh viên đạt trình độ B1

2.4.37. Kỹ năng Viết 2 (Writing Skills 2)

MHP: 25232

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25280**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Viết 2 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần tiếp tục giới thiệu về quy trình viết tiếng Anh học thuật bao gồm: củng cố hệ thống kỹ năng viết đã học trong học phần Kỹ năng Viết 1: ôn luyện lại các dạng câu và cấu trúc phổ biến, ôn luyện lại quy trình viết và cấu trúc đoạn văn cơ bản.

Giới thiệu cách viết các loại đoạn văn mang tính nghị luận cao như so sánh, phân loại, quy trình, nguyên nhân-hệ quả, phản biện. Cụ thể bao gồm: cấu trúc của

từng loại đoạn văn, cách viết câu chủ đề, các câu nội dung và câu kết, các cách tạo ra sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, trật tự logic trong đoạn văn, cách triển khai nội dung; học các dạng đoạn văn khác nhau. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B1.

2.4.38. **Kỹ năng Viết 3 (Writing Skills 3)**

Mã HP: 25239

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25232**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Viết 3 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Ngoài ôn tập kiến thức về kỹ năng viết trong học phần Kỹ năng Viết 1 và Kỹ năng Viết 2; học phần Kỹ năng Viết 3 tiếp tục giảng dạy viết Tiếng Anh học thuật cho sinh viên với kiến thức cơ bản, cách phân tích và nhóm thông tin các dạng bảng biểu khác nhau (Line graph, Bar chart, Pie chart, Table, Diagram và Maps).

Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc miêu tả và so sánh số liệu, cách sắp xếp và liên kết ý trong bài nhằm đảm bảo tính nhất quán, mạch lạc và rõ ràng. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B2.

2.4.39. **Kỹ năng Viết 4 (Writing Skills 4)**

Mã HP: 25284

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25239**

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Viết 4 là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần cũng cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình viết và cấu trúc các bài luận học thuật. Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc phân tích và xây dựng các dạng bài luận tiếng Anh học thuật. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ B2.

2.4.40. **Viết luận nâng cao (English Composition)**

Mã HP: 25285

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25284**

- Nội dung học phần: Học phần Viết luận nâng cao là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần cũng cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình viết và cấu trúc các bài luận học thuật nâng cao, bao gồm cách sử dụng từ vựng, ngữ pháp, cách thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu tham khảo để xây dựng một bài luận.

2.4.41. **Thuyết trình nâng cao (Speech Communication)**

Mã HP: 25217

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **25294**
- Nội dung học phần: Học phần Thuyết trình nâng cao là học phần nằm trong khối Kiến thức, Kỹ năng cơ sở thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc thực hiện các bài thuyết trình trước khán giả. Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức nâng cao của kỹ năng thực hành tiếng. Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về các dạng bài thuyết trình cũng như kỹ thuật thuyết trình trước đám đông. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt trình độ C1.

KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH

2.4.42. Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh (Introduction to the English Language) Mã HP: 25351

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **Không**
- Nội dung học phần: Môn học Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khoá học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Anh và các phương pháp, kỹ năng cần thiết khi học ngôn ngữ Anh. Khoá học cung cấp kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngành biên, phiên dịch Tiếng Anh. Khoá học giúp sinh viên dịch được một văn bản theo mẫu.

2.4.43. Lý Thuyết Dịch (Translation and Interpretation Theory) Mã HP: 25343

- Số tín chỉ: 2TC
- Điều kiện tiên quyết: **Không**
- Nội dung học phần: Học phần Lý thuyết dịch thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Học phần Lý thuyết dịch là học phần đầu tiên trong một loạt các học phần về dịch thuật trong chương trình đào tạo Ngôn Ngữ Anh. Học phần giúp sinh viên làm quen với công tác phiên dịch, nghề phiên dịch, tác phong làm việc của một phiên dịch. Đưa ra các hiểu biết cơ bản cần thiết cho công tác thực hành dịch thuật.

2.4.44. Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 (English Linguistics 1) Mã HP: 25328

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Tiếng Anh và những yếu tố ngôn ngữ học trong Tiếng Anh. Học phần bao gồm các khối kiến thức liên quan đến ngữ âm và âm vị, từ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa học và ngữ dụng học của ngôn ngữ Tiếng Anh.

2.4.45. Giao thoa văn hoá (Cross-Cultural Communication) Mã HP: 25325

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn học Giao thoa văn hoá thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khoá học cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về giao thoa văn hoá các nước nói Tiếng Anh mà chủ yếu là văn hoá nước Anh, Mỹ. Khoá học giúp sinh viên nhận ra nét tương đồng và khác biệt về văn hóa của các nước nói tiếng Anh với văn hoá Việt Nam, từ đó tôn trọng bản chất đa dạng của văn hóa. Khoá học giúp sinh viên nhận dạng được tác động của văn hoá và xã hội với giao tiếp.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH

2.4.46. Ngữ pháp Tiếng Anh Thực hành 2 (Practical English Grammar 2)

Mã HP: 25341

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25350**

- Nội dung học phần: Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 2 thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành 2 giới thiệu cho sinh viên kiến thức ngữ pháp thực hành trong giao tiếp và văn bản ở mức độ B2 như các loại từ, câu, mệnh đề...

2.4.47. Biên dịch 1 (Translation 1)

Mã HP: 25311

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch 1 thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Học phần Biên dịch 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức lí thuyết dịch thuật đang thịnh hành và các kĩ năng biên dịch. Học phần giúp sinh viên phân biệt được các loại

văn bản xét theo thể loại và các phương pháp dịch thuật hiệu quả áp dụng cho loại văn bản hay phong cách đó.

2.4.48. **Phiên dịch 1 (Interpretation 1)**

Mã HP: 25315

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Kỹ năng nói 3 (25293)**

- Nội dung học phần: Học phần Phiên dịch 1 thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần Phiên dịch 1 là sự nối tiếp của một chuỗi các môn dịch trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần giúp sinh viên làm quen với công tác phiên dịch, nghề phiên dịch, tác phong làm việc của một phiên dịch. Thời gian giảng dạy trên lớp chú trọng thực hành áp dụng 5 kỹ năng dịch cơ bản được lồng ghép trong các tuần học: kỹ năng kết hợp từ và dùng từ đồng nghĩa; kỹ năng chú giải và dịch tên riêng; kỹ năng phân tích, diễn giải và tái cấu trúc; và kỹ năng đơn giản hóa trong phiên dịch.

Học phần bao quát 5 chủ đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội sau: giáo dục; dân số; môi trường; du lịch; kinh doanh; marketing. Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích các ngôn bản trên theo khía cạnh ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng.

2.4.49. **Biên dịch 2 (Translation 2)**

Mã HP: 25334

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25311**

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch 2 thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Học phần Biên dịch 2 cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch thực hành theo các chủ đề khác nhau như chính trị, kinh tế, khoa học, thơ văn

2.4.50. **Phiên dịch 2 (Interpretation 2)**

Mã HP: 25316

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25315**

- Nội dung học phần: Học phần Phiên dịch 2 nằm trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần Phiên dịch 2 bao quát 5 chủ đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội sau (tương tác cùng các nội dung của các chủ đề trong học phần phiên dịch 1: Quy hoạch và đô thị; Báo chí và truyền thông; Đầu tư; Chính trị, ngoại giao; Kinh tế biển.

Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích các ngôn bản trên theo khía cạnh ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng. Thời gian giảng dạy trên lớp chú trọng thực hành áp dụng 5 kỹ năng dịch cơ bản được lồng ghép trong các tuần học: kỹ năng kết

hợp từ và dùng từ đồng nghĩa; kỹ năng chú giải và dịch tên riêng; kỹ năng phân tích, diễn giải và tái cấu trúc; và kỹ năng đơn giản hóa trong phiên dịch ở cấp độ cao.

2.4.51. Ngôn ngữ học Tiếng Anh 2 (English Linguistics 2)

Mã HP: 25329

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Ngôn ngữ học Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn về ngôn ngữ Tiếng Anh và những yếu tố ngôn ngữ học trong Tiếng Anh. Khóa học bao gồm các khối kiến thức mở rộng liên quan đến ngôn ngữ học như phân tích diễn ngôn, ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ lịch sử học và lịch sử phát triển của ngôn ngữ Tiếng Anh.

2.4.52. Phân tích Diễn ngôn (Discourse Analysis)

Mã HP: 25346

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn học Phân tích diễn ngôn thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Khóa học này sẽ tập trung tìm hiểu khung lý thuyết và phương pháp luận để nghiên cứu diễn ngôn nói và viết, hoặc ngôn ngữ trong trạng thái được sử dụng, mà nhiều người đã áp dụng tiến hành phân tích ngôn ngữ trên cấp độ câu, bao gồm hội thoại và bất kỳ biểu hiện nào của ngôn ngữ trong ngữ cảnh.

Chúng ta sẽ xem xét phân tích diễn ngôn thông qua lăng kính liên ngành và thông qua các truyền thống từ ngôn ngữ học văn bản, ngôn ngữ học xã hội tương tác và phân tích tường thuật đến phân tích hội thoại, ngôn ngữ học nhận thức, lý thuyết diễn ngôn phê phán. Thông qua một loạt các bài tập phân tích và dữ liệu trong lớp, sinh viên sẽ có cơ hội thực hành phân tích dữ liệu và nhận phản hồi về kết quả phân tích của mình.

2.4.53. Văn học Anh Mỹ (British-American Literature)

Mã HP: 25347

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn học Văn học Anh Mỹ thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Khóa học này cung cấp các định nghĩa về văn học và các tác phẩm nổi tiếng của Anh-Mỹ. Sinh viên cảm thụ được vẻ đẹp của các tác phẩm cổ điển tiêu biểu của Anh - Mỹ, qua đó có kiến thức sâu rộng về lịch sử, xã hội, văn hóa của Anh và Mỹ. Sinh

viên cũng thảo luận và bày tỏ cảm xúc và ý kiến của mình về những tác phẩm nổi tiếng này.

2.4.54. **Biên dịch nâng cao (Advanced Translation)**

Mã HP: 25344

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25334**

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch nâng cao thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Biên dịch nâng cao là môn học tiếp theo của học phần Biên dịch 1 và 2, trong số các môn học cơ sở ngành. Học phần này cung cấp cho sinh viên khả năng dịch thuật văn bản liên quan đến pháp luật, hiến pháp nhà nước.

2.4.55. **Phiên dịch nâng cao (Advanced Interpretation)**

Mã HP: 25345

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **25316**

- Nội dung học phần: Học phần Phiên dịch nâng cao thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Học phần Phiên dịch nâng cao là sự nối tiếp của một chuỗi các môn dịch trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần giúp sinh viên làm quen với công tác phiên dịch, nghề phiên dịch, tác phong làm việc của một phiên dịch. Thời gian giảng dạy trên lớp chú trọng thực hành áp dụng 5 kỹ năng dịch cơ bản vào các tình huống thực hành mô phỏng các buổi làm việc thực tế của người phiên dịch với các chủ đề, nhóm chủ đề quan trọng được lồng ghép trong các tuần học: kỹ năng kết hợp từ và dùng từ đồng nghĩa; kỹ năng chú giải và dịch tên riêng; kỹ năng phân tích, diễn giải và tái cấu trúc; và kỹ năng đơn giản hóa trong phiên dịch.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN

2.4.56. **Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)**

Mã HP: 25251

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Nhật 1, kết hợp với Tiếng Nhật 2 và Tiếng Nhật 3, được xây dựng để đáp ứng CDR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Nhật 1, sinh viên đạt tương ứng 30% trình độ bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Nhật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (giới thiệu bản thân, hỏi đáp về đồ vật, địa điểm, mua

sắm đơn giản, cách nói thời gian). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.57. Tiếng Trung 1 (Chinese 1)

Mã HP: 25256

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Trung 1, được xây dựng để đáp ứng CDR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Trung 1, sinh viên cơ bản tiệm cận được trình độ bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Trung (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (bản thân, gia đình, hoạt động trong ngày, thăm hỏi...). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.58. Tiếng Hàn 1 (Korean 1)

Mã HP: 25259

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Hàn 1, được xây dựng để đáp ứng CDR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Hàn 1, sinh viên cơ bản tiệm cận được trình độ bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Hàn (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (bản thân, gia đình, hoạt động trong ngày, thăm hỏi...). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.59. Tin học Văn phòng

Mã HP: 17102

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Tin học văn phòng là học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính.

2.4.60. Tư duy Phản biện (Critical Thinking)

Mã HP: 25348

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn học Tư duy Phản biện thuộc khối kiến thức kỹ năng tự chọn trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để tư duy phản biện hiệu quả trong cả học tập và đời sống. Khóa học tập trung vào các thành phần chung quan trọng (vấn đề, phương pháp, bằng chứng, kết luận) cung cấp cơ sở cho việc xây dựng, phân tích và đánh giá các lập luận trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Khóa học cũng giải quyết các yếu tố cơ bản của logic không chính thức (ví dụ: quy nạp, suy luận, tránh nguy biện).

2.4.61. Tiếng Nhật 2 (Japanese 3)

Mã HP: 25254

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Nhật 2, kết hợp với Tiếng Nhật 1 và Tiếng Nhật 3, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Nhật 2, sinh viên đạt tương ứng 60% trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến ngôn ngữ Nhật thuộc trình độ sơ cấp, cụ thể gồm bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết phân bổ đan xen theo từng tuần; Kanji trình độ N5 theo từng bài. Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm bắt và vận dụng 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết tương đương trình độ sơ cấp 1; Đọc và viết được 80 chữ Hán trình độ N5. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.62. Tiếng Trung 2 (Chinese 2)

Mã HP: 25257

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Trung 2, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Trung 2, sinh viên đạt tương ứng trình độ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Trung (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (Thăm hỏi, chào mời, dịch vụ trong cuộc sống

như cắt tóc, gội đầu..). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.63. Tiếng Hàn 2 (Korean 2)

Mã HP: 25260

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Hàn 2, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Hàn 2, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Hàn (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (Thăm hỏi, chào mời, dịch vụ trong cuộc sống như cắt tóc, gội đầu..). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.64. Làm việc trong môi trường đa văn hóa (Working across cultures)

Mã HP: 25462

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Làm việc trong môi trường đa văn hóa được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Làm việc trong môi trường đa văn hóa, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Học phần Làm việc trong môi trường đa văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ, mang tính ứng dụng thực tiễn từ nội dung môn học Tiếng Anh thương mại 1 và 2, Giao thoa văn hóa và Văn hóa văn minh Anh – Mỹ. Chương trình học trên lớp dạy sinh viên từ vựng và thuật ngữ về văn hóa nói chung và văn hóa doanh nghiệp nói riêng, các kỹ năng thực hành tiếng Anh cần thiết như đọc-hiểu, tư duy phản biện, thảo luận, làm việc nhóm, xử lý tình huống để sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.65. Tiếng Nhật 3 (Japanese 3)

Mã HP: 25255

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Nhật 3, kết hợp với Tiếng Nhật 1 và Tiếng Nhật 2, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Nhật 1, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Nhật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (đi nhà hàng, gọi điện, taxi, hướng dẫn sử dụng, sở thích...). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.66. Tiếng Trung 3 (Chinese 3)

Mã HP: 25258

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Trung 3, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Trung 3, sinh viên đạt tương ứng trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Trung (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (Tham gia hoạt động khám chữa bệnh, dịch vụ ngân hàng, du lịch, giới thiệu về cảnh điểm, nói về phương pháp học tập, giới thiệu về quê hương đất nước...). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.67. Tiếng Hàn 3 (Korean 3)

Mã HP: 25264

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Hàn 3, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Hàn 3, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Hàn (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (Tham gia hoạt động khám chữa bệnh, dịch vụ ngân hàng, du lịch, giới thiệu về cảnh điểm, nói về phương pháp học tập, giới thiệu về quê hương đất nước...). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.68. **Kỹ năng mềm 2 (Soft skills 2)**

Mã HP: 29102

- Số tín chỉ: 2TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Kỹ năng mềm 2 là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp, cách thức xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhằm gây ấn tượng với nhà tuyển dụng, nắm được kỹ năng trả lời phỏng vấn đạt hiệu quả cao; đồng thời có khả năng quản lý tốt công việc của bản thân.

2.4.69. **Tiếng Anh Kinh tế hàng hải (English for Maritime Economics)**

Mã HP: 25470

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế Hàng hải được xây dựng để đáp ứng CDR kiến thức chuyên ngành Tiếng Anh thương mại và CDR bồi dưỡng kinh doanh và doanh nghiệp. Kết thúc học phần Quản lý quốc tế, sinh viên có thể phân loại được các loại tàu, các phương thức vận tải, các điều kiện thương mại quốc tế, phương thức thanh toán, chứng từ tài liệu ...và thích ứng với vị trí, vai trò, trách nhiệm của người làm tại các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên kiến thức chuyên ngành Kinh tế Hàng hải, các kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp để sinh viên có thể sử dụng trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.70. **Tiếng Anh Pháp luật kinh doanh (English for Legal Professional)**

Mã HP: 25468

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần tiếng Anh Pháp luật kinh doanh là một học phần tự chọn trong chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Tiếng Anh thương mại.

Kết thúc học phần tiếng Anh Pháp luật kinh doanh, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Học phần trang bị cho người học khả năng trình bày những kiến thức cơ bản về Pháp luật quốc tế, cung cấp vốn từ vựng, thuật ngữ thông qua các văn bản chính thống và hệ thống bài tập đa dạng, phong phú (phần Vocabulary Assistants).

Học phần phát triển khả năng diễn ngôn của người học qua các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết, giúp người học nắm chắc và sử dụng đúng các cấu trúc ngôn ngữ trong lĩnh vực luật pháp cũng như đời thường; mục “Did you know?” ở mỗi bài cung cấp kiến thức tổng hợp về ngôn ngữ hữu ích chuyên sâu trong việc sử dụng tiếng Anh. Sinh viên có thể luyện tập và làm chủ kiến thức ngôn ngữ qua các hoạt động tương tác cặp, nhóm trong tình huống luật pháp thực tế (mục Partner Files); ngoài ra sinh viên có thể phát triển khả năng sản sinh ngôn ngữ cũng như khả năng tư duy độc lập qua các phần Output và Over to you.

2.4.71. Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh (English Language Teaching Methodology) Mã HP: 25338

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn học Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh thuộc khối kiến thức kỹ năng tự chọn trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khóa học cung cấp cho sinh viên một nền tảng vững chắc về các kỹ năng chính cần thiết để dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Khóa học này giúp sinh viên áp dụng những kỹ năng này trong các vai trò trong thế giới thực.

2.4.72. Tiếng Anh Logistics (English for Logistics) Mã HP: 25467

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Logistics là một học phần tự chọn trong chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, mã số 1.3.1 và 1.3.4. Kết thúc học phần Tiếng Anh chuyên ngành Logistics, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên các từ vựng chuyên ngành logistics, các dịch vụ logistics, mua bán quản trị hàng hoá, phương thức vận tải, kế hoạch tổ chức vận tải, giao hàng, dịch vụ kho hàng, thanh toán, và chứng từ liên quan hàng hoá trong hoạt động logistics, các kỹ năng thực hành tiếng Anh cần thiết để sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.73. Tiếng Anh Du lịch khách sạn (English for Tourism & Hospitality)

Mã HP: 25466

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **Sinh viên đã hoàn thành các học phần Nghe 1-4 và Nói 1-4**
- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch khách sạn thuộc khối kiến thức, kỹ năng tự chọn trong CTĐT.

Chương trình học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động của ngành du lịch khách sạn và các ngành liên đới cũng như sự ảnh hưởng của các hoạt động này tới môi trường. Khoá học tập trung giới thiệu về mô hình tổ chức hoạt động các khách sạn và định hướng nghề nghiệp tại những bộ phận phù hợp với sinh viên ngoại ngữ được đào tạo về chuyên ngành này. Ngoài ra, khoá học cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp với khách, từ vựng và cách sử dụng ngôn ngữ thiết yếu để sinh viên có thể vận dụng trong môi trường làm việc trong tương lai.

2.4.74. Phương pháp Nghiên cứu Khoa học (Research Methodology)

Mã HP: 25327

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **Không**
- Nội dung học phần: Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức kỹ năng tự chọn trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khoá học cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nghiên cứu khoa học bao gồm những khái niệm và nguyên tắc nghiên cứu khoa học cơ bản. Khoá học giúp sinh viên bước đầu thực hành nghiên cứu khoa học trong giảng dạy ngoại ngữ.

2.4.75. Tiếng Anh Marketing (English for Marketing)

Mã HP: 25469

- Số tín chỉ: 3TC
- Điều kiện tiên quyết: **Không**
- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành marketing là một học phần tự chọn trong chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, mã số 1.3.1 và 1.3.4. Kết thúc học phần Tiếng Anh chuyên ngành marketing, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên các từ vựng chuyên ngành marketing, chiến lược marketing, thương hiệu, trải nghiệm khách hàng, mua bán hàng trực tuyến, quảng cáo, chiến dịch quảng cáo, tài trợ, các kỹ năng thực hành tiếng Anh cần thiết để sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP

2.4.76. Thực tập Tốt nghiệp (Internship)

Mã HP: 25352

- Số tín chỉ: 6TC

- Điều kiện tiên quyết: **25344, 25345**

- Nội dung học phần: Học phần thực tập tốt nghiệp thuộc nhóm học phần Thực tập và Tốt nghiệp trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập môi trường làm việc; ứng dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng Tiếng Anh; học hỏi và rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong quan hệ công tác.

Học phần phổ biến kế hoạch và hướng dẫn sinh viên liên hệ thực tập tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng như: Các sở ban ngành tại Hải Phòng, Khu công nghiệp NOMURA, Công ty MTV Cảng Hải Phòng, các công ty vận tải biển, các công ty cổ phần logistics, ngân hàng ACB, ngân hàng Techcom bank; Trung tâm ngoại ngữ Hàng hải, Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng; và các khách sạn lớn trong nội thành, khu vực quận Đồ Sơn và huyện Cát Bà ... Ngoài các cơ sở trên, sinh viên cũng có thể tự liên hệ thực tập tại các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dưới các loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp doanh, hợp tác xã, văn phòng đại diện công ty nước ngoài, có thời gian hoạt động từ một năm trở lên, không hạn chế vốn điều lệ và số nhân viên.

Kết thúc học phần sinh viên có thêm trải nghiệm cơ hội việc làm như một nhân viên của đơn vị thực tập. Qua đợt thực tập, sinh viên nắm rõ về thực tế công việc cũng như yêu cầu về mặt chuyên môn, kỹ năng đối với loại hình công việc; định hướng được nghề nghiệp tương lai và xác định được mục tiêu, chiến lược phấn đấu. Các sinh viên có chuyên môn và thái độ làm việc tích cực có thể được đơn vị thực tập tạo cơ hội tuyển dụng trước khi ra trường.

2.4.77. Khoá luận Tốt nghiệp (Thesis)

Mã HP: 25331

- Số tín chỉ: 6TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Môn khoá luận tốt nghiệp thuộc khối thực tập và tốt nghiệp trong chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh Thương mại.

Khoá học cung cấp cho sinh viên kiến thức sâu về nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết một nghiên cứu khoa học trong dạy và học ngoại ngữ.

2.4.78. Chuyên đề Phiên dịch (Interpretation Seminar)

Mã HP: 25336

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Chuyên đề Phiên dịch nằm trong nhóm học phần tự chọn Tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu một cách sâu hơn các bước trong công việc của người phiên dịch. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm (3-4 sv/ nhóm). Sinh viên sẽ được hướng dẫn các bước trong công việc của người phiên dịch trước, trong và sau khi thực hiện công tác phiên dịch với các tình huống giả tưởng, mô phỏng môi trường làm việc của người phiên dịch (dịch đuổi, dịch hội thoại, dịch tháp tùng, dịch thực địa, dịch cabin....)

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng, cấu trúc đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng, cấu trúc cần thiết. Các bài tập dịch được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng ngôn bản hay các tình huống tương tự.

2.4.79. Chuyên đề Biên dịch (Translation Seminar)

Mã HP: 25335

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Chuyên đề Biên dịch nằm trong nhóm học phần tự chọn Tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên làm việc theo nhóm tự nghiên cứu trình bày 1 vấn đề về chuyên ngành dịch thuật do giảng viên đặt ra. Các tiểu chuyên đề này bao quát cả lí thuyết lẫn thực hành về ngành biên dịch. Xu hướng dịch thuật, quan điểm các tác giả. So sánh đối chiếu các bản dịch, nhận xét đánh giá mức độ thành công của các tác giả.

KHÔI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH

2.4.80. Tiếng Anh Thương mại 1 (Business English 1)

Mã HP: 25456

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh Thương mại 1 được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Anh Thương mại 1, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Học phần TATM1 cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh phổ biến và một số kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế thương mại qua các chủ đề như: 'Career', 'Companies', 'Great ideas', 'Stress', 'New business', 'Marketing' và 'Managing people'. Các nội dung này sẽ được thực hiện thông qua các hoạt động như thảo luận, nghe hiểu, đọc hiểu và thuyết trình. Ngoài ra sinh viên hiểu và ý thức được rằng có sự khác biệt về văn hóa kinh doanh giữa các quốc gia để có ý thức tìm hiểu và học hỏi.

2.4.81. Tiếng Anh Thương mại 2 (Business English 2)

Mã HP: 25461

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25456**

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh Thương mại 2 được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần Tiếng Anh Thương mại 2, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Học phần TATM 2 cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh và một số kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế thương mại qua các chủ đề chuyên sâu hơn trong thương mại như: 'Brands', 'Change', 'Organisation', 'Money', 'Cultures', 'Human resources' và 'International markets'. Các nội dung này sẽ được thực hiện thông qua thông qua các hoạt động như thảo luận, nghe hiểu, đọc hiểu và thuyết trình. Ngoài ra học phần này trang bị cho sinh viên một số kiến thức về làm việc trong môi trường đa văn hóa.

2.4.81. Kinh tế học (Economics)

Mã HP: 15112

- Số tín chỉ: 4TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Kinh tế học được xây dựng để đáp ứng CĐR kiến thức chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Kết thúc học phần Kinh tế học, sinh viên có thể

áp dụng các kiến thức cơ bản của kinh tế học (vi mô, vĩ mô...) để dịch các tài liệu chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế, thương mại một cách chính xác.

2.4.82. Tổng quan Logistics and chuỗi cung ứng (Fundamentals of Logistics and Supply Chain Management) Code: 15818E

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Fundamentals of Logistics and Supply Chain Management is a course in the block of basic knowledge taught in the training program. The objective of the course is to equip students with basic knowledge about Logistics and Supply Chain Management, the current situation of Vietnam's logistics system as well as the development trends of the international logistics service industry. The course provides learners with concepts, principles and practical insights about logistics, logistics services and supply chains as the foundation for subsequent specialized courses.

2.4.83. Biên dịch thương mại 1 (Business Translation 1) Mã HP: 25463

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch thương mại 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về lí thuyết dịch thuật và các kĩ năng biên dịch cơ bản. Học phần giúp sinh viên phân biệt được các loại văn bản khác nhau trong lĩnh vực thương mại và các phương pháp dịch thuật hiệu quả áp dụng cho loại văn bản.

2.4.84. Biên dịch thương mại 2 (Business Translation 1) Mã HP: 25463

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25463 - Biên dịch thương mại 1**

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch thương mại 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao về dịch thuật và các kĩ năng biên dịch nâng cao. Học phần giúp sinh viên phân biệt được các loại văn bản khác nhau trong lĩnh vực thương mại và các phương pháp dịch thuật hiệu quả áp dụng cho loại văn bản.

2.4.85. Phiên dịch thương mại 1 (Business Interpretation 1) Mã HP: 25464

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25206 – Kỹ năng Nghe 4**

- Nội dung học phần: Học phần Phiên dịch thương mại 1 được xây dựng để đáp ứng CĐR kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Kết thúc học phần Phiên dịch thương mại 1, sinh viên có thể vận dụng kiến thức kinh tế và thương mại để có thực hiện được một số kĩ năng trong phiên dịch, tự xây dựng được chiến lược dịch thuật cho các loại ngôn bản khác nhau trong lĩnh vực thương mại.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên kiến thức chuyên ngành phiên dịch và các kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp để sinh viên có thể sử dụng trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.86. Phiên dịch thương mại 2 (Business Interpretation 2)

Mã HP: 25465

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25422 – Phiên dịch thương mại 1**

- Nội dung học phần: Học phần Phiên dịch thương mại 2 được xây dựng để đáp ứng CĐR kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Kết thúc học phần Phiên dịch thương mại 2, sinh viên có thể phân tích các hoạt động thương mại quốc tế để có thực hiện được hoạt động phiên dịch thương mại.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên kiến thức chuyên ngành phiên dịch và các kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp để sinh viên có thể sử dụng trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2.4.87. Quan hệ kinh tế quốc tế (International Economic Relations)

Code: 15640E

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

- Nội dung học phần: This course is an elective part of the economics and management fields, aiming at equipping students with basic knowledge of trends of international economic integration and association. The course consists of 3 chapters. Chapter 1 introduces the basics of international economic relations, including concepts, content, and nature. Chapter 2 provides general issues of international economic affiliations and integration including concepts and characteristics of international economic integration; the nature and objective necessity of international economic integration; impacts of integration and affiliation; types of integration and affiliation. Chapter 3 introduces some typical international economic integrations.

THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP

2.4.88. Thực tập tốt nghiệp

Mã HP: 25430

- Số tín chỉ: 6TC

- Điều kiện tiên quyết: **25424, 25465**

- Nội dung học phần: Học phần thực tập tốt nghiệp thuộc nhóm học phần Thực tập và Tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành tiếng Anh thương mại.

Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập môi trường làm việc; ứng dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng Tiếng Anh; học hỏi và rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong quan hệ công tác.

Học phần phổ biến kế hoạch và hướng dẫn sinh viên liên hệ thực tập tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng như: Các sở ban ngành tại Hải Phòng, Khu công nghiệp NOMURA, Công ty MTV Cảng Hải Phòng, các công ty vận tải biển, các công ty cổ phần logistics, ngân hàng ACB, ngân hàng Techcom bank; Trung tâm ngoại ngữ Hàng hải, Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng; và các khách sạn lớn trong nội thành, khu vực quận Đồ Sơn và huyện Cát Bà ... Ngoài các cơ sở trên, sinh viên cũng có thể tự liên hệ thực tập tại các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dưới các loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp doanh, hợp tác xã, văn phòng đại diện công ty nước ngoài, có thời gian hoạt động từ một năm trở lên, không hạn chế vốn điều lệ và số nhân viên.

Kết thúc học phần sinh viên có thêm trải nghiệm cơ hội việc làm như một nhân viên của đơn vị thực tập. Qua đợt thực tập, sinh viên nắm rõ về thực tế công việc cũng như yêu cầu về mặt chuyên môn, kỹ năng đối với loại hình công việc; định hướng được nghề nghiệp tương lai và xác định được mục tiêu, chiến lược phấn đấu. Các sinh viên có chuyên môn và thái độ làm việc tích cực có thể được đơn vị thực tập tạo cơ hội tuyển dụng trước khi ra trường.

2.4.89. **Khoá luận tốt nghiệp (Dissertation)**

Mã HP: 25431

- Số tín chỉ: 6TC

- Điều kiện tiên quyết: **25424, 25465**

- Nội dung học phần: Khoá học cung cấp cho sinh viên kiến thức sâu về nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết một nghiên cứu khoa học trong dạy và học ngoại ngữ.

2.4.90. **Chuyên đề Phiên dịch (Business Interpretation Seminar)**

Mã HP: 25435

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: **25206 – Kỹ năng Nghe 4**

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu một cách sâu hơn các bước trong công việc của người phiên dịch. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm (3-4 sv/nhóm). Sinh viên sẽ được hướng dẫn các bước trong công việc của người phiên dịch trước, trong và sau khi thực hiện công tác phiên dịch với các tình huống giả tưởng, mô phỏng môi trường làm việc của người phiên dịch (dịch đuôi, dịch hội thoại, dịch tháp tùng, dịch thực địa, dịch cabin....)

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng, cấu trúc đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng, cấu trúc cần thiết. Các bài tập dịch được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng ngôn bản hay các tình huống tương tự.

2.4.91. Chuyên đề Biên dịch Thương mại (Business Translation Seminar) Mã HP: 25436

- Số tín chỉ: 3TC

- Điều kiện tiên quyết: *không*

- Nội dung học phần: Học phần Chuyên đề biên dịch Thương mại nằm trong nhóm học phần tự chọn Tốt nghiệp trong chương trình đào tạo của ngành Anh thương mại.

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên làm việc theo nhóm tự nghiên cứu trình bày 1 vấn đề về chuyên ngành dịch thuật trong lĩnh vực thương mại do giảng viên đặt ra. Các tiểu chuyên đề này bao quát cả lí thuyết lẫn thực hành về ngành biên dịch. Xu hướng dịch thuật, quan điểm các tác giả. So sánh đối chiếu các bản dịch, nhận xét đánh giá mức độ thành công của các tác giả.